

* 語尾に0が付くクラス、VTO (海外教師) BCO (ブックコース) はオンラインのみ : 12/10, 17, 25, 1/7, 15, 21, 28, 29, 2/4, 12, 25, 3/5, 18 は大阪スタジオクラスのみ

BodyChance 2022 プロコースカレンダー

Ver. 11/25/22

		01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31						
		Thu	Fri	Sat	Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat						
12	目黒 午前			TM ジェレミー	BTO Osaka		VTO キャンシー			TMO Osaka	TM ジェレミー	TB 献		VTO キャンシー	TM ジェレミー		TBO Osaka	TM 康裕	TBO Osaka		VTO キャンシー			BTO Osaka		BT 紀美子		年末休業日										
	目黒 午後			BT 紀美子			BT ジェレミー	TB 知子				TB ジェレミー						TM 康裕						TB 献		BCO 知子												
	目黒 夜																																					
	大阪 午前			TMO Tokyo	BT 由香		VTO キャンシー			TM 由香	TB 由香	TBO Tokyo		VTO キャンシー	TMO Tokyo		TB 紀美子	TM 紀美子	TB 紀美子		VTO キャンシー				BTO 由香		TM 由香											
	大阪 午後			BTO Tokyo			BTO Tokyo	TBO Tokyo					TBO Tokyo						BT 紀美子																			
	大阪 夜																								TBO Tokyo		BCO 知子											
備考・通訳				いすゞ			かおり 香苗				康裕	献 東京卒業式		康裕	いすゞ						かおり																	
1	目黒 午前				01 日	02 Mon	03 Tue	04 Wed	05 Thu	06 Fri	07 Sat	08 Sun	09 Mon	10 Tue	11 Wed	12 Thu	13 Fri	14 Sat	15 Sun	16 Mon	17 Tue	18 Wed	19 Thu	20 Fri	21 Sat	22 Sun	23 Mon	24 Tue	25 Wed	26 Thu	27 Fri	28 Sat	29 Sun	30 Mon	31 Tue			
	目黒 午後				年始休業日			TMO ジェレミー		TMO Osaka	BT 紀美子	TB 紀美子	TBO Osaka		TB 知子			BTO Osaka	TB ジェレミー		BT 香苗				TM 康裕	TB 香苗		BT 重子										
	目黒 夜				年始休業日																																BCO よしのり	
	大阪 午前				年始休業日			TMO ジェレミー		TM 由香	BT 由香			VTO キャンシー		TM 由香		TM 由香			TBO Tokyo				TB 献	TM 献	TB 献						BT 由香	TB 由香	TMO Tokyo			
	大阪 午後				年始休業日						BTO Tokyo	TB 由香				TBO Tokyo			BT 由香	TBO Tokyo		BTO Tokyo					BT 献	TBO Tokyo		BTO Tokyo						TM 由香		
	大阪 夜				年始休業日																															BCO よしのり		
備考・通訳								真紀						かおり					献			香苗			康裕										康裕			
2	目黒 午前		01 Wed	02 Thu	03 Fri	04 Sat	05 Sun	06 Mon	07 Tue	08 Wed	09 Thu	10 Fri	11 Sat	12 Sun	13 Mon	14 Tue	15 Wed	16 Thu	17 Fri	18 Sat	19 Sun	20 Mon	21 Tue	22 Wed	23 Thu	24 Fri	25 Sat	26 Sun	27 Mon	28 Tue								
	目黒 午後					TB 献			BT 紀美子		TB ジェレミー		BTO Osaka	BT ジェレミー					TM 康裕	BT 紀美子				BT ジェレミー			BTO Osaka											
	目黒 夜			TB 香苗																				TB 献			BCO 幸子											
	大阪 午前					BT 由香			BTO Tokyo			TM 由香	TM 由香		VTO キャンシー	BTO Tokyo		TB 由香	TMO Tokyo			VTO キャンシー				TB 康裕	TM 康裕	TM 康裕		VTO キャンシー								
	大阪 午後										TBO Tokyo		BT 由香	BTO Tokyo					TM Tokyo	BTO Tokyo					BTO Tokyo			BT 康裕										
	大阪 夜			TBO Tokyo																								BCO 幸子										
備考・通訳								真紀				康裕		いすゞ				康裕			康裕	香苗			いすゞ					いすゞ								
3	目黒 午前		01 Wed	02 Thu	03 Fri	04 Sat	05 Sun	06 Mon	07 Tue	トミー VT Week								13 Mon	14 Tue	15 Wed	16 Thu	17 Fri	18 Sat	19 Sun	20 Mon	21 Tue	22 Wed	23 Thu	24 Fri	25 Sat	26 Sun	27 Mon	28 Tue	29 Wed	30 Thu	31 Fri		
	目黒 午後			TB ジェレミー																									BT 紀美子		BT ジェレミー							
	目黒 夜																											BCO 知子										
	大阪 午前				BT 由香	TB 由香	TMO Tokyo		VTO キャンシー					VTO キャンシー				TB ジェレミー	TM ジェレミー	TB ジェレミー		VTO キャンシー	TMO Tokyo			TB 由香			BTO Tokyo		VTO キャンシー							
	大阪 午後			TBO Tokyo			BT 由香		TMO ジェレミー																				BTO Tokyo		BTO Tokyo			BTO Tokyo				
	大阪 夜																												BCO 知子									
備考・通訳			香苗					かおり 香苗		康裕	いすゞ	いすゞ	康裕	いすゞ		かおり	いすゞ		いすゞ	いすゞ	いすゞ		かおり	真紀					康裕	香苗								